TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2023/HS-ST
Ngày: 11-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Văn Thể.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Bẩy.

Ông Vũ Ngọc Côn.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Hữu Thơ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh BGtham gia phiên toà: Ông Trần Quang Ninh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh BGxét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 04/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 23 ngày 21/3/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Thị T,** Sinh năm 1981; Tên gọi khác: Không.

HKTT và nơi ở: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 09/12; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Vũ Minh M, sinh năm 1958 (Đã chết); Con bà Phạm Thị H, sinh năm 1958; Chồng: Lý Văn L, sinh năm 1975, trú tại: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG; Con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại (có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị T,** Sinh năm 1969, tên gọi khác: Không.

HKTT và nơi ở: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 02/12; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Nguyễn Văn C (Đã chết); Con bà Nguyễn Thị T (Đã chết); Chồng: Hoàng Văn C, sinh năm 1967; Trú tại: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG. Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1998.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại (có mặt).

3. Họ và tên: **Nguyễn Thị B,** Sinh năm 1975, tên gọi khác: Không.

HKTT và nơi ở: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 02/12; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1950; Con bà Ngô Thị T, sinh năm 1952; Chồng: Ngô Văn Đ, sinh năm 1977; Trú tại: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại (có mặt).

4. Họ và tên: **Nguyễn Thị K,** Sinh năm 1989, tên gọi khác: Không.

HKTT và nơi ở: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 04/12; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Nguyễn Văn Khỉ, sinh năm 1960; Con bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1963; Chồng: Vi Văn M, sinh năm 1981; Trú tại: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG; Con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại (có mặt).

5. Họ và tên: **Ngô Thị T,** Sinh năm 1982, tên gọi khác: Không.

HKTT và nơi ở: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 01/12; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Ngô Văn C (Đã chết); Con bà Hoàng Thị Đ (Đã chết); Chồng: Lý Mạnh T, sinh năm 1981; Trú tại: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG; Con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại (có mặt).

6. Họ và tên: **Ngô Thị L,** Sinh năm 1956, **t**ên gọi khác: Không.

HKTT và nơi ở: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 05/10; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Ngô Văn D (Đã chết); Con bà Hà Thị D (Đã chết); Chồng: Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1961 (Đã chết); Con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1988.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại (có mặt).

7. Họ và tên: **Lý Quang Tr,** Sinh năm 1954, tên gọi khác: Không.

HKTT và nơi ở: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 09/10; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (Ngày 18/6/1980); Con ông Lý Văn Đ, sinh năm 1926 (Đã chết); Con bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1922 (Đã

chết); Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; Trú tại: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG; Con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1987.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại (có mặt).

**** Nguyên đơn dân sự:***

Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh BG(do ông Đinh Văn Phương – Phó trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Lục Ngạn – Đại diện theo ủy quyền) (có mặt khi xét hỏi, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: Khu Trần Phú, thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Chị Chu Thị T, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG.
2/ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1954 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG.
3/ Anh Ngô Văn T, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG.
4/ Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1971 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG.
5/ Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1965 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG.
6/ Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG.
7/ Anh Vi Văn S, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG.
8/ Chị Lý Thị B, sinh năm 1987 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG.
9/ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG.
10/ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG.
11/ Chị Ngô Thị T, sinh năm 1972 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG.
12/ Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Giàng, xã P, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.
13/ Anh Lý Văn Q, sinh năm 1987 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG.
14 Ông Ngô Văn C, sinh năm 1966 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG.
15/ Anh Cao Văn N, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG.
16/ Ông Lý Văn T, sinh năm 1968 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG.
17/Bà Ngô Thị H, sinh năm 1963 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG.

18/ Ông Lý Văn M, sinh năm 1962 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/9/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh BG có Quyết định số 3023/QĐ-UBND về việc giao rừng và đất lâm nghiệp cho 318 hộ gia đình cá nhân thuộc xã P, huyện Lvới tổng diện tích là 726,8 ha rừng, đất lâm nghiệp. Trong đó, diện tích có rừng tự nhiên là 651,3ha, diện tích rừng trồng là 0,7ha, diện tích đất chưa có rừng là 74,8ha. Thời hạn sử dụng là 50 năm, từ năm 2010 đến năm 2060. Trong đó có hộ gia đình Vi Văn V, sinh năm 1982, trú tại thôn N, xã P, huyện Lđược giao lô số 15, khoảnh 10, tiểu khu 27 tại thôn N, xã P, huyện Lvới diện tích 31.310m^2; hộ Vi Văn Hoan, sinh năm 1958, trú tại thôn N, xã P, huyện Lđược giao lô số 7, khoảnh 7A, tại thôn N, xã P, huyện Lvới diện tích 26.830m^2; hộ Ngô Văn Đành, sinh năm 1977 (vợ là Nguyễn Thị B, sinh năm 1975) trú tại thôn N, xã P, huyện Lđược giao lô số 12, khoảnh 10, tiểu khu 27 tại thôn N, xã P, huyện Lvới diện tích 29.350m^2; hộ Lý Văn T, sinh năm 1983, vợ là Ngô Thị T, sinh năm 1987 đều trú tại thôn N, xã P, huyện Lđược giao lô số 6, khoảnh 7A, tiểu khu 27 tại thôn N, xã P, huyện Lvới diện tích 24.250m^2; hộ Lý Quang Tr, sinh năm 1954, vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1959, đều trú tại thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG được giao lô số 12, khoảnh 7B, tiểu khu 27 tại thôn N, xã P, huyện Lvới diện tích 20.890m^2; hộ Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1961, trú tại thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG được giao lô số 5, khoảnh 7A, tiểu khu 27 tại thôn N, xã P, huyện Lvới diện tích 30.220m^2; hộ Nguyễn Văn T, sinh năm 1953, vợ là Vi Thị D, sinh năm 1953, đều trú tại thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG được giao lô số 24, khoảnh 7B, tiểu khu 27 tại thôn N, xã P, huyện Lvới diện tích 23.930m^2 và hộ Nguyễn Văn B, sinh năm 1954, trú tại thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG được giao lô số 50, khoảnh 10 tại thôn N, xã P, huyện Lvới diện tích 34.160m^2. Toàn bộ diện tích đất rừng giao cho các hộ đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các hộ dân, trong đó thể hiện: Nguồn gốc đất: rừng tự nhiên; loại rừng: rừng sản xuất; mục đích sử dụng: lâm nghiệp. Sau khi được giao diện tích đất và rừng nêu trên hộ ông Vi Văn V đã chuyển nhượng diện tích 31.310m^2 tại lô số 15, khoảnh 10, tiểu khu 27 và hộ ông Vi Văn Hđã chuyển nhượng diện tích 26.830m^2, tại lô số 7, khoảnh 7A đều cho gia đình anh Lý Văn T, sinh năm 1986, vợ là chị Chu Thị T, sinh năm 1989, cùng trú tại thôn N, xã P, huyện L(hiện diện tích đất rừng nêu trên đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lý Văn Tạ và vợ là Chu Thị T); hộ ông Lý Văn T, vợ là Ngô Thị T đã chuyển nhượng diện tích 24.250m^2 tại lô số 6, khoảnh 7A, tiểu khu 27 cho hộ ông Lý Mạnh T, sinh năm 1981, vợ là Ngô Thị T, sinh năm 1982 đều trú tại thôn N, xã P, huyện L(Hiện diện tích đất rừng nêu trên đã được UBND huyện Lục Ngạn cấp Giấy chứng nhận mang tên hộ Lý Mạnh T); hộ ông Nguyễn Văn T, vợ là Vi Thị D đã chuyển nhượng diện tích 23.930m^2 tại lô số 24, khoảnh 7B, tiểu khu 27 cho Vi Văn M, sinh năm 1981, vợ là Nguyễn Thị K, sinh năm1989 đều trú tại thôn N, xã P, huyện Lục Ngạn. Ông Nguyễn Văn

B do tuổi cao nên đã giao lô số 50 khoảnh 10 cho cháu là Nguyễn Thị T, sinh năm 1969, trú tại thôn N, xã P, huyện Lchăm sóc, bảo vệ.

Sau khi được giao và nhận chuyển nhượng diện tích đất rừng nêu trên, khoảng cuối năm 2021, đầu năm 2022 một số hộ dân đã dùng dao, cưa chặt phá một phần diện tích rừng rồi đốt lấy đất sạch trồng cây keo để phát triển kinh tế. Cụ thể: Khoảng tháng 11 năm 2021 (âm lịch) tại lô số 12, khoảnh 10, tiểu khu 27 Nguyễn Thị B đã sử dụng cưa cầm tay, dao chặt, phá diện tích 5.140 m^2, số cây lâm sản đã hủy hoại là 56 cây, trữ lượng là 10,374 m^3; Khoảng tháng 2 năm 2022 tại lô số 12, khoảnh 7B, tiểu khu 27 Lý Quang Tr đã sử dụng cưa cầm tay, dao chặt, phá diện tích 5.830 m^2, số cây lâm sản đã hủy hoại là 51 cây, trữ lượng là 6,784m^3; Khoảng tháng 2 năm 2022, tại lô số 15, khoảnh 10, tiểu khu 27 Vũ Thị T, sinh năm 1981, trú tại thôn N, xã P, huyện Lđã sử dụng cưa cầm tay, dao chặt, phá diện tích 5.220 m^2, số cây lâm sản đã hủy hoại là 56 cây, trữ lượng là 9,957 m^3 và sau đó Thoi tiếp tục phá diện tích 7.310m^2, số cây lâm sản đã hủy hoại là 201 cây, trữ lượng là 19,799m^3 tại lô số 7, khoảnh 7A; Khoảng tháng 11, 12 năm 2021 tại lô số 24, khoảnh 7B, tiểu khu 27 Nguyễn Thị K đã sử dụng cưa cầm tay, dao chặt, phá diện tích 5.551 m^2, số cây lâm sản đã hủy hoại là 52 cây, trữ lượng là 6,284m^3; Khoảng tháng 01 năm 2022 tại lô số 5, khoảnh 7A, tiểu khu 27 Ngô Thị L đã sử dụng cưa cầm tay, dao chặt, phá diện tích 8.900 m^2, số cây lâm sản đã hủy hoại là 206 cây, trữ lượng là 41,971m^3; Khoảng tháng 01 năm 2022 tại lô số 6, khoảnh 7A, tiểu khu 27 Ngô Thị T đã sử dụng cưa cầm tay, dao chặt, phá diện tích 7.900 m^2, số cây lâm sản đã hủy hoại là 138 cây, trữ lượng là 23,454 m^3 và khoảng tháng 03 năm 2022 tại lô số 50, khoảnh 10 Nguyễn Thị T đã sử dụng cưa cầm tay, dao chặt, phá diện tích 5.270m^2, số cây lâm sản đã hủy hoại là 56 cây, trữ lượng là 7,923m^3. Ngày 18/4/2022 Công an xã P phát hiện diện tích rừng tại thôn N, xã P, huyện Lbị cưa, chặt phá tại các lô khoảnh trên nên đã báo cáo Công an huyện Lục Ngạn giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 01,02/6/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn tiến hành khám nghiệm hiện trường xảy ra tại khu vực rừng tự nhiên sản xuất thuộc thôn N, xã P, huyện L, tỉnh BG, xác định diện tích rừng bị hủy hoại tại các lô 5, 6, 7 thuộc khoảnh 7A; lô số 12, 24 thuộc khoảnh 7B và lô số 12, 15, 50 khoảnh 10, cụ thể như sau:

- Tại Lô số 05 thuộc khoảnh 7A: Hiện trường xảy ra vụ việc có nhiều thân cành cây ở trạng thái bị khô, cháy nằm rải rác trên mặt đất, kiểm tra phần thân cây và gốc cây có kích thước từ 10 đến 20cm có dấu vết chặt do vật sắc tác động theo chiều hướng khác nhau, vết chặt nham nhở. Kiểm tra thân gốc cây có kích thước (20-45) cm có dấu vết cưa, dấu vết thẳng, phẳng theo chiều hướng đối lập nhau. Khu vực đất rừng bị hủy hoại đã được trồng cây keo đang ở trạng thái phát triển bình thường, chiều cao cây từ (40-70) cm, tán rộng (25-40) cm. Diện tích rừng bị hủy hoại 8.900m^2.

- Tại Lô số 06 thuộc khoảnh 7A: Hiện trường có nhiều thân, cành cây ở trạng thái bị khô, cháy nằm rải rác trên mặt đất, kiểm tra phần thân cây và gốc cây có kích thước từ 10cm trở lên có dấu vết của chặt do vật sắc tác động theo chiều hướng khác nhau và dấu vết của cưa có bề mặt thẳng, phẳng theo chiều hướng đối lập nhau. Khu vực đất rừng bị hủy hoại đã được trồng cây keo đang ở trạng thái

phát triển bình thường chiều cao cây từ (40-70) cm, tán rộng (25-40) cm. Diện tích rừng bị hủy hoại 7.900 m^2.

- Tại Lô số 07 thuộc khoảnh 7A: Hiện trường có nhiều thân, cành cây ở trạng thái bị khô, cháy nằm rải rác trên mặt đất, kiểm tra phần thân cây và gốc cây có kích thước từ 10cm trở lên có dấu vết của chặt do vật sắc tác động theo chiều hướng khác nhau và dấu vết của cưa có bề mặt thẳng, phẳng theo chiều hướng đối lập nhau. Khu vực đất rừng bị hủy hoại đã được trồng cây keo đang ở trạng thái phát triển bình thường chiều cao cây từ (40-75) cm, tán rộng (25-40) cm. Diện tích rừng bị hủy hoại 7.310 m^2.

- Tại Lô số 12 thuộc khoảnh 7B: Từ hiện trường chính tiếp giáp với các hướng như sau: Hướng Bắc tiếp giáp với khoảnh 7a; Hướng Đông tiếp giáp với Lô đất rừng số 1, khoảnh 7b; Hướng Nam tiếp giáp với Lô đất rừng số 13, khoảnh 7b và Hướng Tây tiếp giáp với khảnh 6b. Trên hiện trường có nhiều cây gỗ bị cưa, chặt nằm đổ rải rác. Trên diện tích này đã trồng Keo có chiều cao từ 25-35 cm. Diện tích rừng bị hủy hoại 5.830 m^2, số cây bị hủy hoại là 51 cây.

- Tại Lô số 12 thuộc khoảnh 10: Từ hiện trường chính tiếp giáp với các hướng như sau: Hướng Bắc tiếp giáp với Lô đất rừng số 72; Hướng Nam tiếp giáp với Lô đất rừng số 15; Hướng Đông tiếp giáp với Lô đất rừng số 42; Hướng Tây tiếp giáp với suối. Trên hiện trường có nhiều thân, gốc cây, cành cây bị chặt, cưa đổ ở trạng thái bị khô, nằm rải rác trên mặt đất. Tổng diện tích bị hủy hoại là 5.140 m^2, số cây bị hủy hoại là 56 cây.

- Tại Lô số 15 thuộc khoảnh 10: Từ hiện trường chính tiếp giáp với các hướng như sau: Hướng Bắc tiếp giáp với lô số 12; Hướng Nam tiếp giáp với Lô số 17; Hướng Đông tiếp giáp với Lô 13, 02, 16; Hướng Tây tiếp giáp với suối. Tại hiện trường có nhiều cây gỗ bị cưa, chặt đổ rải rác, trên diện tích đất đã được trồng keo rải rác có chiều cao trung bình từ 25-35cm. Diện tích rừng bị hủy hoại 5.220 m^2, số cây bị hủy hoại là 56 cây.

- Tại Lô số 24 thuộc khoảnh 7B: Từ hiện trường chính tiếp giáp với các hướng như sau: Điểm cực Bắc tiếp giáp với Lô đất rừng số 26; Điểm cực Tây tiếp giáp với Lô đất rừng số 01; Điểm cực Đông tiếp giáp với Lô đất rừng số 33; Điểm cực Nam tiếp giáp với Lô đất rừng số 39. Tại hiện trường xác định có nhiều cây gỗ bị cưa, chặt đổ. Trên diện tích đất này đã trồng cây bạch đàn có chiều cao từ 20-30 cm. Diện tích rừng bị hủy hoại 5.551 m^2, số cây bị hủy hoại là 52 cây.

- Tại Lô số 50 thuộc khoảnh 10: Từ hiện trường chính tiếp giáp với các hướng như sau: Hướng Bắc tiếp giáp với lô số 12; Hướng Nam tiếp giáp với Lô số 17; Hướng Đông tiếp giáp với Lô 13, 2, 16; Hướng Tây tiếp giáp với suối. Tại hiện trường xác định có nhiều cây gỗ bị cưa, chặt đổ. Trên diện tích này đã được trồng cây keo có chiều cao từ 25-40cm. Diện tích rừng bị hủy hoại 5.270 m^2, số cây bị hủy hoại là 56 cây.

Ngày 29/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn ra Yêu cầu định giá tài sản đối với trữ lượng gỗ bị hủy hoại tại các lô, khoảnh thuộc thôn N, xã P, huyện L. Tại bản kết luận định giá tài sản số 110/KL-HĐ ĐGTS, ngày 02/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Ngạn đã kết luận: 206 (hai trăm linh sáu) cây lâm sản bị thiệt hại tại lô số 05, khoảnh 7a thuộc thôn N, xã P, huyện Llà 65.413.000 đồng; 138 (một trăm ba mươi tám) cây

lâm sản bị thiệt hại tại lô số 06, khoảnh 7a thuộc thôn N, xã P, huyện Llà 35.464.100 đồng; 201 (hai trăm linh một) cây lâm sản bị thiệt hại tại lô số 07, khoảnh 7a thuộc thôn N, xã P, huyện Llà 28.610.500 đồng; 51 (năm mươi mốt) cây lâm sản bị thiệt hại tại Lô số 12, khoảnh 7b thuộc thôn N, xã P, huyện Llà 7.759.800 đồng; 56 (năm mươi sáu) cây lâm sản bị thiệt hại tại lô số 12, khoảnh 10 thuộc thôn N, xã P, huyện Llà 19.486.400 đồng; 56 (năm mươi sáu) cây lâm sản bị thiệt hại tại lô số 15, khoảnh 10 thuộc thôn N, xã P, huyện Llà 17.759.000 đồng; 52 (năm mươi hai) cây lâm sản bị thiệt hại tại lô số 24, khoảnh 7b thuộc thôn N, xã P, huyện Llà 7.460.700 đồng; 56 (năm mươi sáu) cây lâm sản bị thiệt hại tại lô số 50, khoảnh 10 thuộc thôn N, xã P, huyện Llà 10.176.900 đồng. Tổng thiệt trị giá thiệt hại là 181.791.700 đồng (Một trăm tám mươi mốt triệu bảy trăm chín mốt nghìn bảy trăm đồng).

Ngày 29/10/2022, Ngô Văn T giao nộp: 01 (một) dao liềm có tổng chiều dài 97cm (phần cán gỗ dài 55cm; phần kim loại dài 42cm) và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 50 cm (phần kim loại dài 36 cm, phần tay cầm nhựa dài 14cm) được niêm phong ký hiệu "A1"; Nguyễn Thị B giao nộp: 01 (một) dao liềm có tổng chiều dài 75 cm (phần cán gỗ dài 36cm; phần kim loại dài 39 cm) và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 36cm đã bị mất chuôi cầm tay được niêm phong ký hiệu "A2"; Nguyễn Thị K giao nộp: 01 (một) dao liềm có tổng chiều dà 77cm (phần cán gỗ dài 33 cm; phần kim loại dài 44 cm) và 01 (một) cưa cầm tay có tổng chiều dài 50 cm (phần kim loại dài 33 cm, phần tay cầm dài 17cm) được niêm phong ký hiệu "A3"; Lý Quang Tr giao nộp: 01 (một) dao liềm bằng kim loại có chiều dài 36 cm và 01 (một) cưa cầm tay có tổng chiều dài 55 cm (phần kim loại dài 35 cm, phần tay cầm nhựa dài 20 cm) được niêm phong ký hiệu "A4"; Nguyễn Văn Th giao nộp: 01 (một) dao có chiều dài 45cm (phần cán gỗ dài 15 cm; phần kim loại dài 30 cm), 01 (một) dao liềm có chiều dài 58 cm (phần cán gỗ dài 20 cm; phần kim loại dài 38cm) và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 40cm (phần lưỡi cưa dài 26 cm, phần tay cầm gỗ dài 14 cm) được niêm phong ký hiệu "A5"; Vi Văn S giao nộp: 01 (một) dao liềm bằng kim loại có chiều dài 42 cm, 01 (một) dao liềm bằng kim loại có chiều dài 35 cm và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 40 cm (phần kim loại dài 28 cm, phần tay cầm gỗ dài 12cm) được niêm phong ký hiệu "A6"; Nguyễn Thị T giao nộp: 01 (một) dao liềm bằng kim loại có tổng chiều dài 60 cm (phần cán gỗ dài 25 cm; phần kim loại dài 35 cm) và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 50 cm (phần lưỡi cưa dài 38cm, phần tay cầm nhựa dài 12cm) được niêm phong ký hiệu "A7"; Nguyễn Thị Đ giao nộp: 01 (một) dao liềm bằng kim loại màu đen có chiều dài 40 cm và 01 (một) cưa cầm tay có tổng chiều dài 45 cm (phần lưỡi cưa dài 35cm, phần tay cầm gỗ dài 10 cm) được niêm phong ký hiệu "A8"; Ngô Thị L giao nộp: 01 (một) dao liềm có tổng chiều dài 60cm (phần cán gỗ dài 25 cm; phần kim loại dài 35 cm) và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 50 cm (phần kim loại dài 38cm, phần tay cầm bằng nhựa dài 12cm) được niêm phong ký hiệu "A9"; Ngô Thị T giao nộp: 01 (một) dao liềm bằng kim loại có chiều dài 45 cm và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 50 cm (phần lưỡi cưa dài 38cm, phần tay cầm nhựa dài 12cm) được niêm phong ký hiệu "A10"; Ngô Thị T giao nộp: 01 (một) dao liềm bằng kim loại màu đen chiều dài 36 cm và 01 (một) cưa cầm tay dài 36 cm đã mất tay cầm được niêm phong ký hiệu "A11"; Nguyễn Thị K giao nộp: 01 (một) dao

liềm bằng kim loại màu đen chiều dài 40 cm và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 50 cm (phần lưỡi cưa dài 38 cm, phần tay cầm nhựa dài 12 cm) được niêm phong ký hiệu "A12"; Hoàng Thị T giao nộp: 01 (một) dao liềm dài 65 cm (phần cán gỗ dài 18cm; phần kim loại dài 47 cm) và 01 (một) cưa cầm tay dài 70 cm (phần kim loại dài 54cm, phần tay cầm gỗ dài 16 cm) được niêm phong ký hiệu "A13"; Vũ Thị T giao nộp: 01 (một) dao liềm bằng kim loại dài 40 cm và 01 (một) cưa cầm tay dài 30cm (phần kim loại dài 20 cm, phần tay cầm gỗ dài 10cm) được niêm phong ký hiệu "A14"; Nguyễn Thị T giao nộp: 01 (một) dao liềm bằng kim loại dài 44 cm (phần kim loại dài 36cm, phần tay cầm gỗ dài 08 cm) và 01 (một) cưa cầm tay dài 58 cm (phần kim loại dài 48 cm, phần tay cầm gỗ dài 10cm) được niêm phong ký hiệu "A15" và Lý Văn Q giao nộp: 01 (một) dao liềm bằng kim loại màu đen dài 38cm và 01 (một) cưa cầm tay dài 67 cm (phần kim loại dài 49cm, phần tay cầm gỗ dài 18 cm) được niêm phong ký hiệu "A16" để phục vụ công tác điều tra.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố. Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi hủy hoại rừng của mình là sai, vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo đều xác định số tiền nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện L là để khắc phục hậu quả. Bị cáo Lý Quang Tr xác định ngoài số tiền mà bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L để khắc phục thiệt hại. Đối với số tiền mà bị cáo nộp thừa so với kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản để xác định thiệt hại, bị cáo nhất trí dùng số tiền này để khắc phục thiệt hại, không cần lấy lại và không có đề nghị gì. Ngoài ra bị cáo còn tự nguyện nộp thêm số tiền 50.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L để mong muốn áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo. Tại phiên tòa ông Đinh Văn Phương (đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn) trình bày phù hợp với lời trình bày tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn, ông yêu cầu các bị cáo bồi thường khắc phục số tiền còn thiếu theo như kết quả của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Ngạn đã xác định, đối với số tiền bị cáo T nộp còn thiếu 39.500 đồng, đại diện Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạnkhông yêu cầu gì thêm, ông mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, khoan hồng cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra đã được công bố tại phiên tòa.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS-LNg ngày 05 tháng 01 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh BGđã truy tố Bị cáo Vũ Thị T về tội "Hủy hoại rừng" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Nguyễn Thị T, Ngô Thị T, Ngô Thị L, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị K và Lý Quang Tr về tội "Hủy hoại rừng" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên toà đã luận tội bị cáo, phân tích tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Thị T 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "hủy hoại rừng". Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh BGgiám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

2/ Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Thị L từ 14 đến 16 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 đến 32 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "hủy hoại rừng". Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh BGgiám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

3/ Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 12 đến 14 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 28 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "hủy hoại rừng". Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh BGgiám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

4/ Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B từ 12 đến 14 tháng từ nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 28 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "hủy hoại rừng". Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh BGgiám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

5/ Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K từ 12 đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 28 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "hủy hoại rừng". Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh BGgiám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

6/ Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Thị T từ 14 đến 16 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 đến 32 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "hủy hoại rừng". Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh BGgiám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

7/ Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lý Quang Tr từ 12 đến 14 tháng từ nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 28 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "hủy hoại rừng". Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh BGgiám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357; 584; 585; 586; 589 và Điều 468 Bộ luật dân sự: Buộc buộc các bị cáo bồi thường cho UBND huyện L, cụ thể: Bị cáo Vũ Thị T số tiền 46.330.000 đồng, nhưng được

khấu trừ vào số tiền 23.180.000 đồng theo biên lai thu số 0004475 ngày 09/01/2023 và 23.150.000 đồng theo biên lai thu số 0004470 ngày 08/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L; Ngô Thị L số tiền 65.413.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền 35.000.000 đồng theo biên lai thu số 0004575 ngày 21/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L; Ngô Thị T số tiền 35.464.100 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền 17.730.000 đồng theo biên lai thu số 0004476 ngày 09/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L; Lý Quang Tr số tiền 7.800.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 3.900.000 đồng theo biên lai thu số 0004473 ngày 09/01/2023 và số tiền 3.900.000 đồng theo biên lai thu số 0004576 ngày 22/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L; Nguyễn Thị K số tiền 7.460.700 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 3.740.000 đồng theo biên lai thu số 0004474 ngày 09/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L; Nguyễn Thị T số tiền 10.176.900 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 5.176.000 đồng theo biên lai thu số 0004472 ngày 09/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L và Nguyễn Thị B số tiền 19.486.400 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 9.750.000 đồng theo biên lai thu số 0004477 ngày 09/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Buộc bị cáo Ngô Thị L phải nộp tiếp số tiền 30.413.000 đồng; Ngô Thị T phải nộp tiếp số tiền 17.734.100 đồng; Nguyễn Thị K phải nộp tiếp số tiền 3.720.700 đồng; Nguyễn Thị T phải nộp tiếp số tiền 5.000.000 đồng và Nguyễn Thị B phải nộp tiếp số tiền 9.736.400 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) dao liềm có tổng chiều dài 97cm (phần cán gỗ dài 55cm; phần kim loại dài 42cm) và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 50cm (phần kim loại dài 36cm, phần tay cầm nhựa dài 14cm) được niêm phong ký hiệu "A1"; 01 (một) dao liềm có tổng chiều dài 75cm (phần cán gỗ dài 36cm; phần kim loại dài 39cm) và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 36cm đã bị mất chuôi cầm tay được niêm phong ký hiệu "A2"; 01 (một) dao liềm có tổng chiều dà 77cm (phần cán gỗ dài 33cm; phần kim loại dài 44cm) và 01 (một) cưa cầm tay có tổng chiều dài 50cm (phần kim loại dài 33cm, phần tay cầm dài 17cm) được niêm phong ký hiệu "A3"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại có chiều dài 36cm và 01 (một) cưa cầm tay có tổng chiều dài 55cm (phần kim loại dài 35cm, phần tay cầm nhựa dài 20cm) được niêm phong ký hiệu "A4"; 01 (một) dao có chiều dài 45cm (phần cán gỗ dài 15cm; phần kim loại dài 30cm), 01 (một) dao liềm có chiều dài 58cm (phần cán gỗ dài 20 cm; phần kim loại dài 38 cm) và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 40cm (phần lưỡi cưa dài 26 cm, phần tay cầm gỗ dài 14 cm) được niêm phong ký hiệu "A5"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại có chiều dài 42 cm, 01 (một) dao liềm bằng kim loại có chiều dài 35 cm và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 40 cm (phần kim loại dài 28cm, phần tay cầm gỗ dài 12cm) được niêm phong ký hiệu "A6"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại có tổng chiều dài 60 cm (phần cán gỗ dài 25cm; phần kim loại dài 35 cm) và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 50 cm (phần lưỡi cưa dài 38 cm, phần tay cầm nhựa dài 12cm) được niêm phong ký hiệu "A7"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại màu đen có chiều dài 40 cm và 01 (một) cưa cầm tay có tổng chiều dài 45 cm (phần lưỡi cưa dài 35cm, phần tay cầm gỗ dài 10cm) được niêm phong ký hiệu "A8"; 01 (một) dao liềm có tổng chiều dài 60 cm

(phần cán gỗ dài 25 cm; phần kim loại dài 35 cm) và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 50 cm (phần kim loại dài 38 cm, phần tay cầm bằng nhựa dài 12 cm) được niêm phong ký hiệu "A9"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại có chiều dài 45 cm và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 50 cm (phần lưỡi cưa dài 38 cm, phần tay cầm nhựa dài 12cm) được niêm phong ký hiệu "A10"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại màu đen chiều dài 36 cm và 01 (một) cưa cầm tay dài 36 cm đã mất tay cầm được niêm phong ký hiệu "A11"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại màu đen chiều dài 40cm và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 50cm (phần lưỡi cưa dài 38cm, phần tay cầm nhựa dài 12 cm) được niêm phong ký hiệu "A12"; 01 (một) dao liềm dài 65cm (phần cán gỗ dài 18cm; phần kim loại dài 47 cm) và 01 (một) cưa cầm tay dài 70 cm (phần kim loại dài 54cm, phần tay cầm gỗ dài 16 cm) được niêm phong ký hiệu "A13"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại dài 40 cm và 01 (một) cưa cầm tay dài 30 cm (phần kim loại dài 20 cm, phần tay cầm gỗ dài 10 cm) được niêm phong ký hiệu "A14"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại dài 44 cm (phần kim loại dài 36cm, phần tay cầm gỗ dài 08 cm) và 01 (một) cưa cầm tay dài 58 cm (phần kim loại dài 48 cm, phần tay cầm gỗ dài 10cm) được niêm phong ký hiệu "A15" và 01 (một) dao liềm bằng kim loại màu đen dài 38 cm và 01 (một) cưa cầm tay dài 67cm (phần kim loại dài 49 cm, phần tay cầm gỗ dài 18 cm) được niêm phong ký hiệu "A16".

Trả lại cho bị cáo Lý Quang Tr số tiền 50.000.000 đồng theo biên lai thu số 0004578 ngày 27/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ Điều 12, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Vũ Thị T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị B phải chịu 487.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các Ngô Thị L, Lý Quang Tr, Ngô Thị T, Nguyễn Thị K. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo Ngô Thị L, Ngô Thị T, Nguyễn Thị K.

Các bị cáo không ai có tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Thị T nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo Ngô Thị T, tuy nhiên không nhất trí về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, vì mức hình phạt như vậy là cao, bởi vì bị cáo nhận thức còn hạn chế, tích cực khắc phục thiệt hại, phạm tội lần đầu, đại diện của Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn cũng đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử vận dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 8 đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp lại với lời đối đáp của người bào chữa cho bị cáo Ngô Thị T: Mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát đã xem xét hết các tình tiết mà Người bào chữa cho bị cáo Thể đã trình bày, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên lời luận tội.

Không ai tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên thu thập: Hoạt động điều tra thu thập chứng cứ và các tài liệu của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng tang vật chứng thu hồi được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận: "Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2021 đến đầu năm 2022 tại khu rừng thuộc Thôn N, xã P, huyện Lục Ngạn, có nguồn gốc: rừng tự nhiên, loại rừng: Rừng sản xuất, mục đích sử dụng: Lâm nghiệp. Vũ Thị T đã có hành vi hủy hoại 12.530 m^2 rừng, trữ lượng cây lâm sản bị hủy hoại là 29,756 m^3, trị giá thiệt hại là 46.369.500 đồng; Nguyễn Thị T đã có hành vi hủy hoại 5.270 m^2 rừng, trữ lượng cây lâm sản bị hủy hoại là 7,923 m^3, trị giá thiệt hại là 10.176.900 đồng; Ngô Thị T đã có hành vi hủy hoại 7.900 m^2 rừng, trữ lượng cây lâm sản bị hủy hoại là 23,454 m^3, trị giá thiệt hại là 35.464.100 đồng; Ngô Thị L đã có hành vi hủy hoại 8.900 m^2 rừng, trữ lượng cây lâm sản bị hủy hoại là 41,971 m^3, trị giá thiệt hại là 65.413.000 đồng; Nguyễn Thị B đã có hành vi hủy hoại 5.140 m^2 rừng, trữ lượng cây lâm sản bị hủy hoại là 10,374 m^3, trị giá thiệt hại là 19.486.400 đồng; Nguyễn Thị K đã có hành vi hủy hoại 5.551m^2 rừng, trữ lượng cây lâm sản bị hủy hoại là 6,284 m^3, trị giá thiệt hại là 7.460.700 đồng và Lý Quang Tr đã có hành vi hủy hoại 5.830 m^2 rừng, trữ lượng cây lâm sản bị hủy hoại là 6,784 m^3, trị giá thiệt hại là 7.759.800 đồng.".

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo Vũ Thị T đã phạm vào tội "Hủy hoại rừng" quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự; Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị T, Ngô Thị T, Ngô Thị L, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị K và Lý Quang Tr đã phạm vào tội "Hủy hoại rừng" quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự. Lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đã căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Hội đồng xét xử xét thấy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến xâm phạm đến chế độ quản lý rừng của nhà nước, xâm phạm đến môi trường sinh thái, gây ra những hậu quả nghiêm trọng khác cho đời sống xã hội. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

[7] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Trước khi mở phiên tòa đã tự nguyện nộp tiền bồi thường, khắc phục hậu quả, nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được xem xét theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Lý Quang Tr được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực bồi thường khắc phục hậu quả, đại diện Ủy ban nhân dân huyện cũng mong muốn Hội đồng xét xử khoan hồng cho các bị cáo, các bị cáo phạm tội do không hiểu biết pháp luật, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng có đủ điều kiện để cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Đối với loại tội này, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có công việc ổn định, hoàn cảnh khó khăn, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khan. Do vậy cần miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Đối với ý kiến của bị cáo Trưởng trình bày có nguyện vọng áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính và bị cáo đã tự nộp số tiền 50.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người cao tuổi nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính.

[9] Quá trình điều tra xác định ngoài diện tích rừng bị huỷ hoại nêu trên thì tại khu rừng tự nhiên sản xuất thuộc thôn N, xã P, huyện Lcòn bị huỷ hoại, trong các ngày 14/01/2022, 03/3/2022, 09/3/2022 và ngày 17/4/2022, Hạt Kiểm lâm huyện Lục Ngạn đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Ngô Văn T; Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị C; Vi Văn S, Lý Thị B; Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Đ về hành vi phá rừng. Ngày 09/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn có Công văn số 1044/CV-CSĐT đề nghị Hạt kiểm lâm huyện L, tỉnh BGra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Ngô Thị T, Nguyễn Thị K, Hoàng Thị T, Lý Văn Q về hành vi phá rừng, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[10] Đối với hành vi của Chu Thị T, sinh năm 1989 là người được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các lô 07, khoảnh 7A; lô 15, khoảnh 10 đã cho bị cáo Vũ Thị T canh tác, quản lý, bảo vệ diện tích rừng trên hai lô đất trên; Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1954 là người được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất lô 50, khoảnh 10, ông Bách tuổi cao đã giao cho bị cáo Nguyễn Thị T canh tác, quản lý, bảo vệ rừng. Quá trình điều tra xác định chị Thùy, ông Bách không biết, không được chỉ đạo, tham gia bàn bạc, không được cùng chặt phá rừng cùng với bị can Thoi, Tính. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn không xem xét xử lý đối với chị Thùy, ông Bách là có căn cứ.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh BGđề nghị các bị cáo phải bồi thường cho Nhà nước theo quy định pháp luật là có căn cứ chấp nhận. Cần buộc các bị cáo bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn, cụ thể: Bị cáo Vũ Thị T số tiền 46.330.000 đồng; Ngô Thị L số tiền 65.413.000 đồng; Ngô Thị T số tiền 35.464.100 đồng; Lý Quang Tr số tiền 7.800.000 đồng; Nguyễn Thị K số tiền 7.460.700 đồng; Nguyễn Thị T số tiền 10.176.900 đồng và Nguyễn Thị B số tiền 19.486.400 đồng. Xác nhận bị cáo Vũ Thị T đã nộp số tiền 46.330.000 đồng; Ngô Thị T đã nộp số tiền 17.730.000 đồng; Ngô Thị L đã nộp số tiền 35.000.000 đồng; Lý Quang Tr đã nộp số tiền 7.800.000 đồng; Nguyễn Thị K đã nộp số tiền 3.740.000 đồng; Nguyễn Thị T đã nộp số tiền 5.176.000 đồng và Nguyễn Thị B đã nộp số tiền 9.750.000 đồng.

Buộc các bị cáo: Bị cáo Ngô Thị L phải nộp thêm số tiền 30.413.000 đồng; Ngô Thị T phải nộp thêm số tiền 17.734.100 đồng; Nguyễn Thị K phải nộp thêm số tiền 3.720.700 đồng; Nguyễn Thị T phải nộp thêm số tiền 5.000.000 đồng và Nguyễn Thị B phải nộp thêm số tiền 9.736.400 đồng.

- Về vật chứng vụ án: Đối với 01 (một) dao liềm có tổng chiều dài 97cm (phần cán gỗ dài 55cm; phần kim loại dài 42cm) và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 50cm (phần kim loại dài 36cm, phần tay cầm nhựa dài 14cm) được niêm phong ký hiệu "A1"; 01 (một) dao liềm có tổng chiều dài 75cm (phần cán gỗ dài 36cm; phần kim loại dài 39cm) và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 36cm đã bị mất chuôi cầm tay được niêm phong ký hiệu "A2"; 01 (một) dao liềm có tổng chiều dà 77 cm (phần cán gỗ dài 33cm; phần kim loại dài 44 cm) và 01 (một) cưa cầm tay có tổng chiều dài 50 cm (phần kim loại dài 33cm, phần tay cầm dài 17 cm) được niêm phong ký hiệu "A3"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại có chiều dài 36cm và 01 (một) cưa cầm tay có tổng chiều dài 55 cm (phần kim loại dài 35 cm, phần tay cầm nhựa dài 20cm) được niêm phong ký hiệu "A4"; 01 (một) dao có chiều dài 45 cm (phần cán gỗ dài 15 cm; phần kim loại dài 30 cm), 01 (một) dao liềm có chiều dài 58 cm (phần cán gỗ dài 20cm; phần kim loại dài 38 cm) và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 40 cm (phần lưỡi cưa dài 26 cm, phần tay cầm gỗ dài 14 cm) được niêm phong ký hiệu "A5"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại có chiều dài 42 cm, 01 (một) dao liềm bằng kim loại có chiều dài 35 cm và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 40cm (phần kim loại dài 28cm, phần tay cầm gỗ dài 12 cm) được niêm phong ký hiệu "A6"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại có tổng chiều dài 60 cm (phần cán gỗ dài 25 cm; phần kim loại dài 35 cm) và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 50cm (phần lưỡi cưa dài 38cm, phần tay cầm nhựa dài 12cm) được niêm phong ký hiệu "A7"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại màu đen có chiều dài 40 cm và 01 (một) cưa cầm tay có tổng chiều dài 45 cm (phần lưỡi cưa dài 35 cm, phần tay cầm gỗ dài 10 cm) được niêm phong ký hiệu "A8"; 01 (một) dao liềm có tổng chiều dài 60 cm (phần cán gỗ dài 25 cm; phần kim loại dài 35 cm) và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 50cm (phần kim loại dài 38 cm, phần tay cầm bằng

nhựa dài 12cm) được niêm phong ký hiệu "A9"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại có chiều dài 45 cm và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 50cm (phần lưỡi cưa dài 38 cm, phần tay cầm nhựa dài 12 cm) được niêm phong ký hiệu "A10"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại màu đen chiều dài 36 cm và 01 (một) cưa cầm tay dài 36cm đã mất tay cầm được niêm phong ký hiệu "A11"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại màu đen chiều dài 40cm và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 50 cm (phần lưỡi cưa dài 38 cm, phần tay cầm nhựa dài 12cm) được niêm phong ký hiệu "A12"; 01 (một) dao liềm dài 65 cm (phần cán gỗ dài 18cm; phần kim loại dài 47 cm) và 01 (một) cưa cầm tay dài 70cm (phần kim loại dài 54 cm, phần tay cầm gỗ dài 16cm) được niêm phong ký hiệu "A13"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại dài 40 cm và 01 (một) cưa cầm tay dài 30cm (phần kim loại dài 20cm, phần tay cầm gỗ dài 10cm) được niêm phong ký hiệu "A14"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại dài 44 cm (phần kim loại dài 36 cm, phần tay cầm gỗ dài 08cm) và 01 (một) cưa cầm tay dài 58cm (phần kim loại dài 48 cm, phần tay cầm gỗ dài 10 cm) được niêm phong ký hiệu "A15" và 01 (một) dao liềm bằng kim loại màu đen dài 38 cm và 01 (một) cưa cầm tay dài 67cm (phần kim loại dài 49cm, phần tay cầm gỗ dài 18 cm) được niêm phong ký hiệu "A16", là công cụ các bị cáo, những người liên quan sử dụng để chặt phá rừng không còn giá trị sử dụng hoặc giá trị sử dụng thấp, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) bị cáo Lý Quang Tr nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L để hưởng hình phtaj tiền là hình phạt chính, do Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính với bị cáo Trưởng, nên cần trả lại cho bị cáo Trưởng số tiền này.

[13] Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Ngô Thị L, Lý Quang Tr là người cao tuổi; Bị cáo Ngô Thị T, Nguyễn Thị K thuộc diện hộ cận nghèo, nên cần miễn án phí cho bị cáo trên; Các bị cáo Vũ Thị T, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị B phải chịu 487.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Thị T 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "hủy hoại rừng". Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh BGgiám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

2/ Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Thị L 16 tháng tù

nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 32 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "hủy hoại rừng". Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh BGgiám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

3/ Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 13 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 26 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "hủy hoại rừng". Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh BGgiám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

4/ Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 13 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "hủy hoại rừng". Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh BGgiám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

5/ Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "hủy hoại rừng". Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh BGgiám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

6/ Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Thị T 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "hủy hoại rừng". Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh BGgiám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

7/ Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lý Quang Tr 14 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "hủy hoại rừng". Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh BGgiám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp các bị cáo Vũ Thị T, Nguyễn Thị T, Ngô Thị T, Ngô Thị L, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị K và Lý Quang Tr thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357; 584; 585; 586; 589 và Điều 468 Bộ luật dân sự: Buộc buộc các bị cáo bồi thường cho UBND huyện Lục Ngạn, cụ thể: Bị cáo Vũ Thị T số tiền 46.330.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 23.180.000 đồng theo biên lai thu số 0004475 ngày

09/01/2023 và 23.150.000 đồng theo biên lai thu số 0004470 ngày 08/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L; Ngô Thị L số tiền 65.413.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền 35.000.000 đồng theo biên lai thu số 0004575 ngày 21/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L; Ngô Thị T số tiền 35.464.100 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền 17.730.000 đồng theo biên lai thu số 0004476 ngày 09/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L; Lý Quang Tr số tiền 7.800.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 3.900.000 đồng theo biên lai thu số 0004473 ngày 09/01/2023 và số tiền 3.900.000 đồng theo biên lai thu số 0004576 ngày 22/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L; Nguyễn Thị K số tiền 7.460.700 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 3.740.000 đồng theo biên lai thu số 0004474 ngày 09/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L; Nguyễn Thị T số tiền 10.176.900 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 5.176.000 đồng theo biên lai thu số 0004472 ngày 09/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L và Nguyễn Thị B số tiền 19.486.400 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 9.750.000 đồng theo biên lai thu số 0004477 ngày 09/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Buộc bị cáo Ngô Thị L phải nộp tiếp số tiền 30.413.000 đồng; Ngô Thị T phải nộp tiếp số tiền 17.734.100 đồng; Nguyễn Thị K phải nộp tiếp số tiền 3.720.700 đồng; Nguyễn Thị T phải nộp tiếp số tiền 5.000.000 đồng và Nguyễn Thị B phải nộp tiếp số tiền 9.736.400 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) dao liềm có tổng chiều dài 97cm (phần cán gỗ dài 55cm; phần kim loại dài 42cm) và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 50cm (phần kim loại dài 36cm, phần tay cầm nhựa dài 14cm) được niêm phong ký hiệu "A1"; 01 (một) dao liềm có tổng chiều dài 75cm (phần cán gỗ dài 36cm; phần kim loại dài 39cm) và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 36cm đã bị mất chuôi cầm tay được niêm phong ký hiệu "A2"; 01 (một) dao liềm có tổng chiều dà 77cm (phần cán gỗ dài 33cm; phần kim loại dài 44cm) và 01 (một) cưa cầm tay có tổng chiều dài 50cm (phần kim loại dài 33cm, phần tay cầm dài 17cm) được niêm phong ký hiệu "A3"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại có chiều dài 36cm và 01 (một) cưa cầm tay có tổng chiều dài 55cm (phần kim loại dài 35cm, phần tay cầm nhựa dài 20cm) được niêm phong ký hiệu "A4"; 01 (một) dao có chiều dài 45cm (phần cán gỗ dài 15cm; phần kim loại dài 30cm), 01 (một) dao liềm có chiều dài 58cm (phần cán gỗ dài 20cm; phần kim loại dài 38cm) và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 40cm (phần lưỡi cưa dài 26cm, phần tay cầm gỗ dài 14cm) được niêm phong ký hiệu "A5"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại có chiều dài 42cm, 01 (một) dao liềm bằng kim loại có chiều dài 35cm và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 40cm (phần kim loại dài 28cm, phần tay cầm gỗ dài 12cm) được niêm phong ký hiệu "A6"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại có tổng chiều dài 60cm (phần cán gỗ dài 25cm; phần kim loại dài 35cm) và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 50cm (phần lưỡi cưa dài 38cm, phần tay cầm nhựa dài 12cm) được niêm phong ký hiệu "A7"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại màu đen có chiều dài 40cm và 01 (một) cưa cầm tay có tổng chiều dài 45cm (phần lưỡi cưa dài 35cm, phần tay cầm gỗ dài 10cm) được niêm phong ký hiệu "A8"; 01 (một) dao liềm có tổng chiều dài 60cm (phần cán gỗ dài 25cm; phần kim loại dài 35cm) và 01 (một) cưa cầm tay có chiều

dài 50cm (phần kim loại dài 38cm, phần tay cầm bằng nhựa dài 12cm) được niêm phong ký hiệu "A9"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại có chiều dài 45cm và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 50cm (phần lưỡi cưa dài 38cm, phần tay cầm nhựa dài 12cm) được niêm phong ký hiệu "A10"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại màu đen chiều dài 36cm và 01 (một) cưa cầm tay dài 36cm đã mất tay cầm được niêm phong ký hiệu "A11"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại màu đen chiều dài 40cm và 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 50cm (phần lưỡi cưa dài 38cm, phần tay cầm nhựa dài 12cm) được niêm phong ký hiệu "A12"; 01 (một) dao liềm dài 65cm (phần cán gỗ dài 18cm; phần kim loại dài 47cm) và 01 (một) cưa cầm tay dài 70cm (phần kim loại dài 54cm, phần tay cầm gỗ dài 16cm) được niêm phong ký hiệu "A13"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại dài 40cm và 01 (một) cưa cầm tay dài 30cm (phần kim loại dài 20cm, phần tay cầm gỗ dài 10cm) được niêm phong ký hiệu "A14"; 01 (một) dao liềm bằng kim loại dài 44cm (phần kim loại dài 36cm, phần tay cầm gỗ dài 08cm) và 01 (một) cưa cầm tay dài 58cm (phần kim loại dài 48cm, phần tay cầm gỗ dài 10cm) được niêm phong ký hiệu "A15" và 01 (một) dao liềm bằng kim loại màu đen dài 38cm và 01 (một) cưa cầm tay dài 67cm (phần kim loại dài 49cm, phần tay cầm gỗ dài 18cm) được niêm phong ký hiệu "A16".

Trả lại cho bị cáo Lý Quang Tr số tiền 50.000.000 đồng theo biên lai thu số 0004578 ngày 27/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Vũ Thị T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị B phải chịu 487.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các Ngô Thị L, Lý Quang Tr, Ngô Thị T, Nguyễn Thị K. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Ngô Thị L, Ngô Thị T, Nguyễn Thị K.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Công an huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã nơi bị cáo cứ trú;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Văn phòng và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phan Văn Thể